

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàn T - Sinh năm: 1952 và bà Bùi Thị Bé S - Sinh năm: 1954; cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Hoàn T, bà Bùi Thị Bé S): Ông Sử Văn N - Sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/5/2021).

1.2/ *Bị đơn*:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L - Sinh năm: 1975 và ông Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre;

- Anh Nguyễn Tấn N - Sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Tấn N tự nguyện đồng ý liên đới hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S phần đất đang tranh chấp có diện tích 129,8m² thuộc một phần thửa đất 603, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (do ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất); phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp quốc lộ 57 dài 4,32m.
 - + Đông giáp phần còn lại của thửa 603, tờ 10 (Nguyễn Hoàn T) dài 30,55m;
 - + Nam giáp phần còn lại của thửa 603, tờ 10 (Nguyễn Hoàn T) dài 4,38m;
 - + Tây giáp phần còn lại của thửa 603, tờ 10 (Nguyễn Hoàn T) dài 29,70m;
- (Có họa đồ kèm theo).

2.2/ Ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S được toàn quyền sở hữu căn nhà xây dựng trên phần đất đang tranh chấp có diện tích 129,8m² thuộc một phần thửa đất 603, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (do ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất). Căn nhà có kết cấu như sau:

- Nhà chính: khung bê tông cốt thép, tường xây gạch đã tô xong khoảng 70% chưa sơn, nền lát gạch Ceramic 400 x 400mm, mái lợp tol Frôximăng và tol tráng kẽm, không trần, nhà có chiều dài 15,1m, rộng 4,2m; dài 1,4m, rộng 3,8m và dài 1,3m, rộng 03m. Tổng diện tích 72,64m².

- Nhà phụ 1: khung thép, nền láng xi măng, không vách, mái lợp tol tráng kẽm, không trần; nhà có chiều dài 5,1m, rộng 4,2m, diện tích 21,42m².

- Nhà phụ 2: khung cột gạch và tre, nền xi măng, mái lợp tol tráng kẽm, không vách, không trần, nhà có chiều dài 1,3m, rộng 1,2m và dài 1,5m, rộng 4,2m, diện tích 7,86m².

2.3/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Tấn N được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2.4/ Ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S tự nguyện đồng ý liên đới hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn N giá trị còn lại của căn nhà, công sức đóng góp, cải tạo và gìn giữ phần đất tranh chấp với tổng số tiền là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2.5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Tấn N tự nguyện đồng ý liên đới nhận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

2.6/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Hoàn T, bà Bùi Thị Bé S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.7/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hoàn T và bà Bùi Thị Bé S đồng ý tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.058.000đ (hai triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (01 bản/người);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền